

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓN QUẢN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 124 /2024/HNST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v “Ly hôn, Nuôi con chung;

Nợ chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Thanh

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:** ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2024/TLST- HNGĐ ngày 03/04/2024 về việc “Ly hôn, giao con chung; Nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1980 (Vắng mặt có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Địa Hạt, xã Thanh An, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

**-Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1981 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

**-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1978 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Địa Hạt, xã Thanh An, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

2. Ngân hàng chính sách xã Hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quốc Thắng: Bà Trịnh Thị Bích Hiền – Giám đốc phòng giao dịch Hón Quản (Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Ông Phạm Hữu Tiến, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Hón Quản (Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Liên trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Hữu P sau thời gian tìm hiểu đã quyết định về chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thanh An. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không quan tâm đến nhau nên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Bà Q xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn, không muốn tiếp tục chung sống và duy trì hôn nhân nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với ông P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh, sinh năm 2009 và con chung tên Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 2019. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trung Kiên, ông Nguyễn Hữu P nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh, không ai cấp dưỡng nuôi con con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q xác nhận có nợ riêng bà Nguyễn Thị Thanh H với số tiền là 50.000.000 đồng, bà Q đề nghị được trả nợ một mình, ông P không có nghĩa vụ cùng với bà Q trả nợ cho bà H. Do khó khăn đề nghị xin bà H miễn lãi suất cho bà Q.

Hai vợ chồng nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Quá trình vay, sau khi ly thân thì ông P đã trả được số tiền là 16.000.000 đồng. Hiện nay, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu hai vợ chồng cùng trả nợ thì bà Q đề nghị được trả số tiền vay là 25.000.000 đồng và ½ lãi phát sinh là 405.689 đồng, và ông P phải trả số tiền gốc là 9.000.000 đồng và lãi suất là 405.689 đồng.

Vợ chồng không có cho ai vay nợ.

**\* Tại bản tự khai ngày 10/09/2024 bị đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:**

Ông P thống nhất với lời khai của bà Q về quan hệ hôn nhân, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà Q làm đơn yêu cầu ly hôn thì ông P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đề nghị tòa án giao con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh, sinh năm 2009 cho ông Nguyễn Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 2019 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện bà Q về việc vay số tiền 50.000.000 đồng, việc vay mượn giữa bà H và bà Q thì ông P không biết, bà Q cũng không vay phục vụ sinh hoạt cho gia đình nên ông P không có nghĩa vụ trả tiền cho bà H.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:**

Tháng 4/2022 bà Nguyễn Thị Thanh H có cho bà Nguyễn Thị Kim Q vay với số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, từ khi vay cho đến nay bà Q chưa thanh toán tiền gốc và lãi suất cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà Q phải trả lại tiền vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày:** Ngày 16/8/2019 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Hữu P vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất 9%/ năm, thời hạn vay ngày 12/9/2024.

Ngày 16/5/2020 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Hữu P vay số tiền 20.000.000 đồng mục đích bảo vệ môi trường, nước sạch, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay ngày 12/7/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P và bà Q còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 34.000.000 đồng và lãi suất là 811.378 đồng.

Do bà Q và ông P ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu bà Q phải trả số tiền là 34.000.000 đồng và lãi suất là 405.689 đồng. Ông P có nghĩa vụ trả số tiền là 9.000.0000 đồng và lãi suất là 405.689 đồng.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:*

**Về tố tụng:** Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

**Về nội dung vụ án:**

Về qua hệ hôn nhân:

Đề nghị cho bà Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh, sinh năm 2009 cho ông Nguyễn Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 2019 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền vay là 50.000.000 đồng, không có lãi suất do bà H không yêu cầu.

Buộc bà Q phải trả số tiền là 34.000.000 đồng và lãi suất là 405.689 đồng. Ông P có nghĩa vụ trả số tiền là 9.000.0000 đồng và lãi suất là 405.689 đồng.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Hữu P, ông P hiện cư trú tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim Q có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê Hoàng P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q và bị đơn anh Nguyễn Hữu P đều thống nhất vợ chồng có tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 2008, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh An (Huyện Bình Long), nay là huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Do đó, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim Q và bị đơn anh Nguyễn Hữu P là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn và đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm và chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đều không có thiện chí hòa giải, việc đoàn tụ của các bên không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Q, cho chị Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh, sinh năm 2009, con chung tên Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 2019. Xét thấy, cháu Nguyễn Trung Kiên còn nhỏ, nên việc chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu sẽ đảm bảo hơn nhất là về vấn đề phát triển tâm sinh lý của cháu. Cháu Nguyễn Hoàng Minh Anh hiện

nay đang ở với bố, mong muốn tiếp tục ở với bố để thuận tiện cho việc đi học. Do đó, cần giao con chung Nguyễn Hoàng Minh Anh cho anh Nguyễn Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*Về tài sản chung:* Đương sự không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Thanh H: Hội đồng xét xử xét thấy: Tháng 4/2022 bà H có cho bà P vay với số tiền là 50.000.000 đồng, nay bà H yêu cầu bà Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bà Q trình bày, tại thời điểm vay không làm giấy tờ, tuy nhiên bà Q có thừa nhận vay của bà H với số tiền nêu trên và đồng ý trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng và xin không trả lãi suất. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc đề nghị bà Nguyễn Thị Kim Q có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q, bị đơn ông Nguyễn Hữu P xác nhận có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 50.000.000 đồng. Sau khi vợ chồng ly thân, một mình ông Nguyễn Hữu P đã thành toán cho phía Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 19.000.000 đồng. Nay ly hôn bà Q đề nghị được trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng và ½ lãi suất phát sinh, ông P trả 9.000.000 đồng tiền gốc và ½ lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Q có nghĩa vụ trả nợ vay là 25.000.000 đồng và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 405.689 đồng, ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng và và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 405.689 đồng có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Án phí 2.500.000 đồng án phí Dân sự có giá ngạch do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H được chấp nhận; Án phí 1.270.284 đồng có giá ngạch do yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được chấp nhận.

Ông Nguyễn Hữu P phải chịu 470.284 đồng có giá ngạch do yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được chấp nhận.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng đã đóng tạm ứng.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên Tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 61, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các điều 274, 275, 276, 280, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật Các tổ Chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 02/4/2008 của UBND xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Anh cho ông Nguyễn Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Q có nghĩa vụ trả cho bà Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 405.689 đồng, tổng cộng là 25.405.689 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ trả cho bà Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng, tiền lãi là 405.689 đồng, tổng cộng là 9.405.689 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2024) nếu bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Hữu P không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải Chịu khoản tiền lãi của

số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005184 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị Kim Q còn phải chịu thêm án phí Án phí 2.500.000 đồng án phí Dân sự có giá ngạch do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H được chấp nhận; Án phí 1.270.284 đồng có giá ngạch do yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được chấp nhận.

Ông Nguyễn Hữu P phải chịu 470.284 đồng có giá ngạch do yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được chấp nhận.

Chi cục thi hành án Dân sự hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 0005313 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Thanh An, Hớn Quản;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Thanh**